

Bản án số: 1138/2020/DS-PT  
Ngày: 28/12/2020  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Giảng

*Các Thẩm phán:* Bà Phan Thị Hằng

Bà Lê Thị Anh Minh.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*  
Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/12/2020 và 28/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số  
545/2020/DSPT ngày 10/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 352/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án  
nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6054/2020/QĐXXPT-DS ngày  
01/12/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*

1/ Ông Đào Trọng A, sinh năm 1956;

2/ Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Số 320/50 ĐN, phường XH, quận XG, Thành phố Hồ Chí  
Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc C,  
sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: SA, huyện CK, tỉnh Khánh Hòa. (Văn bản ủy quyền ngày  
20/8/2019)

Địa chỉ liên hệ: 200/5 NT, phường TT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:*

1/ Bà Trần Thị Cẩm D, sinh năm 1993; (có mặt)

Địa chỉ: Số 197/12 NT, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà D: Ông Tô Bá E, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 103A NK, phường XD, quận AC, Thành phố Hồ Chí Minh  
(Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2019) (có mặt)

2/ Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Triết G (sinh năm 1986, chết năm 2019):

2.1/ Bà Trần Thị Cẩm D, sinh năm 1993; (có mặt)

Địa chỉ: Số 197/12 NT, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà D: Ông Tô Bá E, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 103A NK, phường XD, quận AC, Thành phố Hồ Chí Minh  
(Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2019) (có mặt)

2.2/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 95/76/6 Tỉnh lộ 10, Khu phố XK, phường XH, quận XG, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lê Thanh K, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 47 Lầu 1 AC, Phường XE, Quận XD, Thành phố Hồ Chí Minh  
(Văn bản ủy quyền ngày 10/9/2019)

2.3/ Ông Lâm Thanh L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 97 XC, thị 1, Thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 17/7/2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đào Trọng A, bà Đoàn Thị B, có đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông Nguyễn Quốc C trình bày:*

Ngày 28/8/2018, vợ chồng ông A, bà B có cho vợ chồng bà Trần Thị Cẩm D và ông Lâm Triết G vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Số tiền này ông A và bà B đứng ra vay dùm tại Ngân hàng P – Chi nhánh Lý Thường Kiệt và có thể chấp tài sản của ông bà là nhà đất tại địa chỉ 336/87/3 XB, Phường XA, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích ông G, bà D vay tiền là để mua nhà đất tại số 197/12 NT, phường Thạnh Phú, quận X. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay tiền là 12 tháng. Sau khi giải chấp số tiền vay 2.000.000.000 đồng, Ngân hàng chuyển cho bà B, bà B chuyển trực tiếp vào tài khoản của ông G. Hàng tháng ông G và bà D tự đóng tiền lãi cho ngân hàng. Giữa hai bên không viết giấy vay thỏa thuận bên ngoài.

Đến tháng 12/2018, ông G, bà D có vay thêm ông A, bà B số tiền 225.000.000 đồng. Ông A, bà B giao bằng tiền mặt cho ông G và bà D. Đối với số tiền này ông A, bà B không lấy tiền lãi. Thời hạn vay 01 tháng. Ông G, bà D nói vay tạm và viết giấy vay ngày 28/12/2018 hẹn đến ngày 09/01/2019 sẽ trả, giấy vay này bị thất lạc. Mặt khác ông G nói vay ngắn hạn để mua thêm vật tư

hoàn thiện đối với nhà 197/12 NT. Giữa ông A, bà B với ông G có mối quan hệ quen biết làm ăn chung với nhau từ lâu nên các bên luôn tin tưởng nhau.

Đầu năm 2019, ông G chết. Tháng 8/2019, gia đình ông G bà D không nộp tiền lãi cho ngân hàng. Do đó ông A, bà B đã thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng cho ngân hàng và lấy giấy tờ nhà ra.

Đến ngày 11/7/2019, bà D (là vợ của ông G) có viết một giấy tái xác nhận lại số tiền mà ông G khi còn sống có vay của ông A, bà B với số tiền tổng cộng là 2.225.000.000 đồng (gồm tiền vay ngân hàng và tiền vay riêng bên ngoài).

Nay ông A, bà B yêu cầu bà D và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông G phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Yêu cầu bà D và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông G phải trả số tiền là 2.225.000.000 đồng. Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng, phía nguyên đơn yêu cầu bà D và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông G phải trả lãi từ tháng 8/2019 đến tháng 8/2020 là 13 tháng với mức lãi suất theo ngân hàng là 10%/ tháng ứng với số tiền 216.666.600 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn là bà Trần Thị Cẩm D, có đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông Tô Bá E trình bày:*

Vợ chồng bà D, ông G có quen biết với ông A, bà B. Do đó vợ chồng bà D ông G có nhờ ông A, bà B đứng ra thế chấp nhà của ông A, bà B tại địa chỉ số 336/87/3 XB, Phường XA, Quận Y để vay hộ tiền. Số tiền ông A, bà B vay là 2.000.000.000 đồng tại Ngân hàng P – Chi nhánh Lý Thường Kiệt. Ngoài ra vợ chồng bà D, ông G có vay bên ngoài của ông A, bà B số tiền 225.000.000 đồng để mua vật tư xây dựng nhà 197/12 NT. Việc ông G vay tiền của ông A, bà B bà D có biết, khi ông G còn sống bà D cùng ông G trả tiền lãi đối với số tiền vay của ngân hàng. Riêng số tiền 225.000.000 đồng vay ngắn hạn nên không trả tiền lãi.

Ngày 02/01/2019, ông G chết. Khi chết ông G không để lại di chúc. Vợ chồng ông G, bà D chưa có con chung. Ông G có cha tên Lâm Thanh L và mẹ tên Nguyễn Thị H.

Ngày 11/7/2019, bà D có ký một giấy xác nhận lại số nợ mà vợ chồng Tú, ông G còn nợ ông A, bà B số tiền là 2.225.000.000 đồng.

Nay ông A, bà B khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền trên, bà D cũng đồng ý trả. Tuy nhiên, bà D và ông G chỉ còn tài sản duy nhất là nhà đất tại số 197/12 NT, phường Thạnh Phú, quận X. Do ông G chết nên người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông G phải cùng bà D trả số nợ trên cho ông A, bà B.

Phía bà D xin ông A, bà B không tính tiền lãi suất trên số nợ 2.000.000.000 đồng. Hiện bà D rất khó khăn về kinh tế cũng như sức khỏe còn yếu nên chưa thể đi làm để có thu nhập, trước đây bà D ông G cũng đã thanh toán tiền lãi đầy đủ đối với số nợ vay của ngân hàng.

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Triết G là bà Nguyễn Thị H, có đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông Lê Thanh K trình bày:*

Bà H là mẹ chồng của bà Trần Thị Cẩm D và là mẹ ruột của ông Lâm Triết G. Ông G chết ngày 02/01/2019. Ông G chết không để lại di chúc.

Ông G và bà D chưa có con chung. Cha của ông G là ông Lâm Thanh L. Hiện bà H và ông L đã ly hôn. Ông Lâm Thanh L có văn bản từ chối nhận di sản của ông G.

Bà H có biết vợ chồng Quang, Tú vay tiền của ông A, bà B số tiền là 2.225.000.000 đồng (trong đó số tiền 2.000.000.000 đồng ông A, bà B đứng ra vay dùm cho ông G tại Ngân hàng P, thế chấp tài sản là nhà đất tại địa chỉ số 336/87/3 XB, Phường XA, Quận Y; Số tiền 225.000.000 đồng ông G bà D vay trực tiếp của ông A, bà B). Hàng tháng gia đình bà H có đóng tiền lãi cho ngân hàng đối với số tiền vay 2.000.000.000 đồng. Mỗi tháng bà H đóng tiền lãi khoản 18.000.000 đồng. Bà H đóng tiền lãi đến hết tháng 7/2019. Tháng 8/2019 thì bà H ngưng không đóng lãi tiếp.

Ông G chết có tài sản là một căn nhà số 197/12 NT, phường Thạnh Phú, quận X.

Sau khi ông G chết giữa gia đình bà H cùng với ông A, bà B chốt lại số tiền mà vợ chồng Quang, Tú còn nợ ông A, bà B tổng cộng là 11.350.000.000 đồng. Do đó, đối với số tiền trên đã được đưa vào số nợ 11.350.000.000 đồng được ghi trong biên bản ngày 12/01/2019 và được trừ vào 03 căn nhà mà ông A, bà B đứng tên dùm gồm: Nhà số 336/87/3 XB, Phường XA, Quận Y; Nhà số 95/76/6 Tỉnh lộ 10, phường XH, quận XG; Nhà số 579/59B Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận Y. Do đó bà H xác định ông G không còn nợ gì đối với ông A, bà B. Bà D là con dâu của bà H tự viết giấy xác nhận nợ với ông A, bà B vào tháng 7/2019 là không có căn cứ. Do đó bà H không đồng ý cùng bà D trả số tiền trên cho ông A, bà B.

Bản án sơ thẩm số 352/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 280, Điều 466, Điều 468, Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Trọng A và bà Đoàn Thị B.

2. Buộc bà Trần Thị Cẩm D và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Triết G là bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông A và bà B gồm các khoản tiền như sau:

Tiền gốc 2.225.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Tiền lãi là 216.666.600 đồng (Hai trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Tổng cộng số tiền là: 2.441.666.600 đồng (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Thời hạn thi hành: Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 17/9/2020 mà bà D và bà H (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông G) chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D chịu 80.833.300 đồng (Tám mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng). Bà H thuộc diện người cao tuổi được quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 (Trên 60 tuổi) thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên bà H được miễn án phí.

Hoàn lại số tiền 38.664.390 đồng (Ba mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi đồng) cho ông Đào Trọng A và bà Đoàn Thị B theo biên lai thu số 0012412 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thủ tục thi hành án.

Ngày 30/9/2020, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do số tiền vay 2.225.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu tại vụ án đã nằm trong tổng số nợ 11.350.000.000 đồng mà hai bên đã chốt nợ để nguyên đơn lấy 3 căn nhà của bị đơn trừ nợ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Lâm Thanh L vào tham gia tố tụng là chưa giải quyết toàn diện, khách quan đối với vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã nhận xét và đề nghị như sau:

Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

Giai đoạn giải quyết sơ thẩm không xác minh, định giá đối với di sản của ông Lâm Triết G làm căn cứ giải quyết vụ án nên đã có vi phạm nghiêm trọng, đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn kiện khoản nợ chung vợ chồng bà Trần Thị Cẩm D và ông Lâm Triết G. Ông Lâm Triết G (chết ngày 02/01/2019) có hàng thừa kế thứ nhất gồm 3 người: cha là ông Lâm Thanh L, mẹ là bà Nguyễn Thị H và vợ là Trần Thị Cẩm D.

Án sơ thẩm không đưa ông Lâm Thanh L tham gia tố tụng với lý do ông L có Văn bản ngày 10/6/2019 từ chối nhận di sản của ông G đối với căn nhà 197/12 NT, phường Thạnh Phú, quận X.

Xét thấy: Tại “Văn bản khai nhận di sản” do những người thừa kế của ông Lâm Triết G là ông Lâm Thanh L, bà Nguyễn Thị H và Trần Thị Cẩm D kê khai (Văn phòng Công chứng Chợ Lớn chứng thực niêm yết ngày 06/3/2019) thì ngoài di sản là nhà đất mà ông L từ chối nhận nêu trên, còn có 3 di sản khác của ông G để lại là: Nhà đất số 19/16 KV, Quận Y; Nhà đất số 216/3 XB, Quận Y và số tiền theo Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của ông G.

Như vậy, ông L chỉ từ chối đối với 1 phần di sản của ông Lâm Triết G là nhà 197/12 NT, phường Thạnh Phú, quận X. Còn lại 3 di sản nêu trên ông L không hề từ chối thì vẫn phải đưa ông L tham gia tố tụng trong vụ án. Án sơ thẩm không đưa ông Lâm Thanh L tham gia tố tụng là đã bỏ sót người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng về tố tụng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn có những sai lầm như sau:

- Đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 17/7/2019 ghi người bị kiện là bà Trần Thị Cẩm D và ông Lâm Triết G, Tòa án thụ lý vụ án ngày 22/7/2019, ông Lâm Triết G (chết ngày 02/01/2019) chết trước thời điểm nguyên đơn có đơn khởi kiện và Tòa án thụ lý vụ án. Án sơ thẩm đưa những người thừa kế của ông Lâm Triết G tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là đã xác định sai tư cách tham gia tố tụng của đương sự. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự thì kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là trường hợp cá nhân đang tham gia tố tụng chết.

Trường hợp nguyên đơn không khởi kiện những người thừa kế của ông G là bị đơn thì phải đưa những người này tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, những người thừa kế chỉ phải chịu nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại trong phạm vi di sản để lại. Án sơ thẩm buộc những người thừa kế của ông Lâm Triết G phải cùng nghĩa

vụ với bà D trả toàn bộ số nợ cho nguyên đơn là chưa chính xác, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những đồng thừa kế. Những người thừa kế của ông Lâm Triết G chỉ phải thực hiện phần nghĩa vụ của ông G, nếu họ có nghĩa vụ phải thực hiện, trong phạm vi tài sản là di sản của ông G để lại.

- Từ việc án sơ thẩm xác định không đúng giới hạn phạm vi thực hiện nghĩa vụ cụ thể của các đương sự nên dẫn đến việc xác định sai về nghĩa vụ phải chịu án phí của các đương sự. Án sơ thẩm buộc bà Trần Thị Cẩm D phải chịu toàn bộ số tiền án phí là không đúng. Trong trường hợp có căn cứ buộc trả nợ thì bà D chỉ phải chịu án phí theo phần nợ của bà D phải trả, những người thừa kế của ông Lâm Triết G thực hiện phần nghĩa vụ án phí trong phạm vi tài sản là di sản của ông G để lại.

[3] Từ những nhận định trên, xét cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại, do đó phúc thẩm chưa xem xét giải quyết về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy Bản án sơ thẩm số 352/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân quận X. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại sơ thẩm vụ án.

Án phí phúc thẩm: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận X;
- THADS quận X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hồng Giảng**



